

PHẦN IV

PHỤ LỤC

NHỮNG BÀI KINH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Những bài Kinh sau đây đã được dùng để trích dẫn, giảng giải và bàn luận trong quyển sách này. Đây là những bài thuyết giảng mà Đức Phật đã nói ra, dành cho Phật tử tại gia và những người bình thường muốn tìm hiểu lối sống theo đạo Phật.

Kinh ‘Lời Khuyên Dạy Sigàla’

(Sigalovada Sutta)

*(Bản dịch từ tiếng Pali qua tiếng Anh của
Hòa thượng TS Wapola Rahula)*

“Giới Luật dành cho những Phật tử tại gia”

“Tôi nghe như vậy:

“Có lần khi Đức Thế Tôn trú ngụ ở gần Ràjagaha (thành Vương Xá), chỗ khu vực tìm ăn của loài sóc, tại rừng Trúc Lâm.

“Lúc bấy giờ, Sigàla, con của một gia chủ, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chắp tay thấp, vái lạy các phương của đất và trời: phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, dưới Thiên Đế, trên Thiên Đỉnh.

“Cũng buổi sáng sớm hôm ấy, Thế Tôn đắp y, cầm y bát vào thành Vương xá để khát thực. Thế Tôn thấy Sigàla đang thực hiện những nghi lễ cúng lạy, Người nói với người ấy như vậy:

“Này chủ gia trẻ, vì sao anh dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt, chắp tay cúng lạy các phương của đất và trời như vậy?”

“Thưa Ngài, khi cha con gần chết, người có dặn con: “Này con thân yêu, hãy thờ cúng các phương của đất và trời. Vì vậy thưa Ngài, để thực hiện lời dặn của cha, tôn trọng, cung kính lời dặn thiêng liêng, thức dậy sớm và, rời thành Vương-Xá, chấp tay cúng lạy sáu phương theo cách như vậy.”

“Này chủ gia trẻ, nhưng theo Nghi Luật của Thánh Nhân (*Ārya*), sáu phương không phải được cúng lạy như vậy. [1]

“Vậy thưa Ngài, theo Nghi Luật của bậc Thánh Nhân thì sáu phương nên được cúng lạy như thế nào? Thật là tốt đẹp nếu Đức Thế Tôn dạy cho con biết được cách mà sáu phương được cúng lạy theo như Nghi Luật của bậc Thánh nhân.”

“Hãy nghe đây, chủ gia trẻ và suy nghiệm cẩn thận, ta sẽ nói cho anh nghe.”

“Dạ rất tốt, thưa Ngài”, Sigàla trả lời.

Và Đức Thế Tôn đã giảng như sau:

(I)

“Này chủ gia trẻ, đệ tử của bậc thánh nhân (1) đã dẹp bỏ bốn điều xấu ác về đạo đức[2]; (2) như là không làm những hành động xấu ác từ bốn động cơ thúc giục; (3) như là không bước xa đến sáu cửa để phung phí tiền của, tránh xa mười bốn điều xấu ác này, người ấy là người bảo vệ sáu phương, đang trên bước đường chinh phục cả hai thế giới, thành đạt trong thế giới đời này và thế giới đời sau. Khi cơ thể tan rã, sau khi chết, người ấy sẽ được tái sinh vào một cõi Trời hạnh phúc.

1. “Cái gì là bốn (4) điều xấu ác mà đệ tử của bậc thánh nhân đã dẹp bỏ? Đó là sự sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nói dối. Đó là bốn điều xấu về đạo đức mà người ấy đã dẹp bỏ”.

“Đức Thế Tôn nói như vậy. Và sau khi Đức Thế Tôn nói vậy, Người nhắc lại như sau:

Sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nói dối
Bốn điều xấu ác đó, bậc trí hiền đều chế”

2. “Bởi những bốn (4) động cơ nào thúc giục mà đệ tử của bậc thánh nhân đã dẹp bỏ những nghiệp xấu ác? Nghiệp xấu ác được thực hiện từ động cơ thúc giục từ **Tham, Sân, Si**, và **Sợ hãi**. [3].

“Nhưng vì Nghi Luật Thánh Nhân không bị chi phối bởi những động cơ Tham, Sân, Si và Sợ hãi này, cho nên đệ tử của bậc thánh nhân không làm những nghiệp xấu ác do chúng thúc giục.

“Đức Thế Tôn nói như vậy. Và sau khi Đức Thế Tôn nói vậy, Người nhắc lại như sau:

Người do lòng Tham, Sân, Si và Sợ Hãi
Mà coi thường Giáo Pháp
Vinh danh kẻ đó mờ nhạt đi
Như trăng tròn trong những ngày khuyết đi.

Người không do lòng Tham, Sân, Si và Sợ Hãi
Nên không coi thường Giáo Pháp
Vinh danh người đó lớn lên
Như trăng khuyết trong những ngày tròn lại.

3. “Và sáu cửa để phung phí tiền của mà đê tử của bậc thánh nhân đã tránh bỏ là gì?”

- (1) Uống rượu làm say sưa và ngu mụ đầu óc;
- (2) Đi ra ngoài đường vào những giờ không thích hợp;
- (3) Tụ tập, đình đám;
- (4) Cờ bạc;
- (5) Giao du với bạn xấu;
- (6) Thói quen lười biếng.

(1) “Này chủ gia trẻ, có sáu (6) hiểm họa của việc uống rượu làm say sưa và ngu mụ đầu óc:

- i. Mất tài sản thật sự;
- ii. Gây thêm cãi vã, xích mích;
- iii. Gây bệnh tật;
- iv. Mang tiếng xấu rượu chè;
- v. Tư cách không đàng hoàng, đứng đắn;
- vi. Làm ngu mụ trí óc.

(2) “Này chủ gia trẻ, có sáu (6) hiểm họa khi một người đi ra ngoài đường phố vào những giờ không thích hợp:

- i. Bản thân không được bảo vệ và đề phòng,
- ii. Vợ con vì thế cũng không có ai bảo vệ;
- iii. Tài sản tiền của vì thế cũng không có ai bảo vệ;
- iv. Bản thân có thể bị rơi vào trường hợp đối tượng bị tình nghi trong những chỗ có tệ nạn gây ra; **[4]**
- v. Tên tuổi bị tin xấu đồn đại;
- vi. Sẽ gặp nhiều rắc rối, phiền phức khác.

(3) “Này chủ gia trẻ, có sáu (6) hiểm họa khi tụ tập, đình đám:

- i. Luôn tìm chỗ có nhảy múa?
- ii. Luôn tìm chỗ xướng ca, hát hò?
- iii. Luôn tìm chỗ có nhạc?
- iv. Luôn tìm chỗ ngâm thơ, kể chuyện?
- v. Luôn tìm chỗ nhấc tay, trống dùi, chũm chọe?
- vi. Luôn tìm chỗ đánh gỗ trồng com? [5]

(4) “Này chủ gia trẻ, có sáu (6) hiểm họa khi cờ bạc:

- i. Nếu mình thắng, sẽ bị người thua ghét;
- ii. Nếu mình thua, sẽ tiếc than tiền của bị mất;
- iii. Lãng phí tiền của không đáng;
- iv. Lời nói không còn giá trị nếu phân xử hay bị bắt ra tòa;
- v. Bị bạn bè, đồng nghiệp coi khinh;
- vi. Không được chào đón trong hôn nhân, vì mọi người đều cho rằng kẻ cờ bạc chắc chắn không thể nào làm người chồng tốt.

(5) “Này chủ gia trẻ, có sáu (6) hiểm họa khi giao du với bạn bè xấu:

- i. Gặp dân cờ bạc;
- ii. Kẻ trộm lạt, ăn chơi;
- iii. Kẻ nghiện rượu;
- iv. Kẻ gian lận;
- v. Kẻ lừa đảo;
- vi. Hay bắt cứ kẻ bạo động nào.

(6) “Này chủ gia trẻ có sáu (6) điều xấu xảy ra với sự lười biếng:

- i. Người lười biếng hay nói: trời lạnh quá, không thể làm được;

- ii. Người lười biếng hay nói: trời nóng quá, không thể làm được,
- iii. Người lười biếng hay nói: vào buổi sáng còn quá sớm, không thể làm được;
- iv. Người lười biếng hay nói: vào buổi chiều đã quá trễ, không thể làm được;
- v. Người lười biếng hay nói: đói bụng quá, không thể làm được;
- vi. Người lười biếng hay nói: no bụng quá, không thể làm được;

“Và cứ như vậy, những việc cần làm không bao giờ làm xong, do đó không làm ra thêm được gì và như vậy tiền của trong nhà cũng vơi cạn đi.”

“Đức Thế Tôn nói như vậy. Và sau khi Đức Thế Tôn nói vậy, Người nhắc lại như sau:

“Kẻ chỉ là bạn nhậu; kẻ gọi “bạn” chỉ khi giáp mặt; kẻ chỉ là bạn bè chỉ khi vụ lợi được”.

“Ngủ sau mặt trời đã mọc, ngoại tình, ác tâm, có bạn xấu, tham — sáu nguyên nhân làm tàn hoại một người.

“Người có bằng hữu và bạn bè xấu thì dính theo thói xấu, làm hư đốn và sa ngã - trong đời này và đời sau.

“Đánh xúc xắc, trai gái, rượu chè, chày múa, ca hát, ngủ ngày, đi ra đường vào giờ không thích hợp, có bạn bè xấu, tham lam — chín (9) điều làm hủy hoại một người. [5]

“Người đánh xúc xắc và uống rượu, quan hệ bất chính với phụ nữ là người thân của người khác vợ, giao du với kẻ

xấu và không kính lão đắc thọ — thì kẻ đó sẽ lụi tàn như trăng trong những ngày khuyết đi”.

“Kẻ say rượu, nghèo mạt, bản cùng, vẫn thèm khát khi nhậu, hay la cà đến những quán nhậu, thì chìm trong nợ nần như hòn đá rơi xuống nước, làm nhục nhã gia đình trong chóng vánh.

“Người thức đêm ngủ ngày, say rượu, và truy lạc, thì không thích hợp cho cuộc sống gia đình.

“Người luôn nói nóng quá, lạnh quá, trễ quá, và để mọi việc dang dở, cơ hội đều đi vượt khỏi tay người đó.

“Người không ngại nóng hay lạnh và hết mình làm xong mọi bổn phận, người đó không xa rời hạnh phúc”.

(II)

■ “Này chủ gia trẻ, bốn loại người nên được xem như kẻ thù, dù đang là bạn, đó là:

- (1) Kẻ tham, chỉ biết lấy;
- (2) Kẻ miệng lưỡi, chỉ biết nói;
- (3) Kẻ nịnh hót, chỉ biết ba phải;
- (4) Kẻ vô dụng, chỉ có mặt xấu.

(1) “Trong số này, “Kẻ tham” được nhận dạng bởi vì bốn điều sau và nên được xem như kẻ thù, dù đang là bạn:

- i. Tham lam, chỉ biết lấy,
- ii. Bỏ ra ít, đòi nhiều hơn;
- iii. Làm điều gì chỉ vì sợ hãi;
- iv. Chỉ tính lợi ích cho mình.

(2) “Trong số này, “Kẻ miệng lưỡi”, chỉ biết nói, được nhận dạng vì bốn điều sau và nên được xem như kẻ thù, dù đang là bạn:

- i. Hay nói về sự hào hiệp trong quá khứ;
- ii. Hứa hẹn rộng lượng trong việc tương lai;
- iii. Toàn nói chuyện đạo đức suông;
- iv. Khi gặp chuyện cần nhờ thì không giúp được gì, thì nói không làm được.

(3) “Trong số này, “Kẻ nịnh hót” hay “ba phải” được nhận dạng vì bốn điều sau và nên được xem như kẻ thù, dù đang là bạn:

- i. Điều tốt cũng theo;
- ii. Điều xấu cũng theo;
- iii. Khen trước mặt;
- iv. Nói xấu sau lưng.

(4) “Trong số này, “Kẻ vô dụng”, chỉ có mặt xấu được nhận dạng vì bốn điều sau và nên được xem như kẻ thù, dù đang là bạn:

- i. Chỉ là bạn khi nhậu nhẹt (bạn nhậu);
- ii. Chỉ làm bạn khi lang bang, ở đường phố lúc không thích hợp (bạn hè phố);
- iii. Chỉ là bạn ở nơi tụ tập, đình đám (bạn chơi bời);
- iv. Chỉ là bạn ở sòng bạc (bạn cờ bạc).

“Đức Thế Tôn nói như vậy. Và sau khi Đức Thế Tôn nói vậy, Người nhắc lại như sau:

- Bạn tham, chỉ biết lấy;
Bạn miệng lưỡi, chỉ biết nói;

Bạn nịnh hót, chỉ biết ba phải;
Bạn vô dụng, chỉ có mặt xấu.

Bốn loại như kẻ thù,
Bậc trí hiền nhận rõ
Tránh xa họ từ xa,
Như tránh con đường chết.

■ “Này chủ gia trẻ, có bốn loại người nên được xem là bạn tốt:

- (1) Bạn giúp đỡ mình
- (2) Bạn tâm giao, chia sẻ buồn vui
- (3) Bạn khuyên bảo, góp ý
- (4) Bạn thông cảm.

(1) Trong số này, này chủ gia trẻ, “Bạn giúp đỡ” được nhận dạng vì bốn điều sau và nên được xem là bạn tốt:

- i. Bạn bảo vệ mình khi mình bất cẩn.
- ii. Bạn bảo vệ tiền của của mình khi mình bất cẩn.
- iii. Bạn trở thành chỗ nương tựa khi mình gặp nguy khốn.
- iv. Khi bạn đã hứa giúp việc gì, bạn thường giúp nhiều hơn.

(2) Trong số này, này chủ gia trẻ, “Bạn tâm giao”, “chia sẻ”, được nhận dạng vì bốn điều sau và nên được xem là bạn tốt:

- i. Bạn không dấu bí mật của bạn.
- ii. Bạn giữ kín bí mật của người khác.
- iii. Trong nguy khốn, không bỏ rơi bạn bè.
- iv. Trong hoạn nạn, có thể hy sinh mạng mình vì bạn bè.

(3) Trong số này, này chủ gia trẻ, “Bạn khuyên bảo”, “góp ý”, được nhận dạng vì bốn điều sau và nên được xem là bạn tốt:

- i. Bạn khuyên ngăn mình không làm điều xấu.
- ii. Bạn khuyến khích mình nên làm điều tốt.
- iii. Bạn nói rõ những điều mình chưa biết (tư vấn).
- iv. Bạn chỉ cho mình con đường tâm linh cao đẹp để được lên cõi Trời.

(4) Trong số này, này chủ gia trẻ, “Bạn thông cảm” được nhận dạng vì bốn điều sau và nên được xem là bạn tốt:

- i. Bạn không vui khi mình gặp bất hạnh.
- ii. Bạn vui mừng khi mình giàu có, hạnh phúc.
- iii. Bạn ngăn người khác nói xấu về mình.
- iv. Bạn khen người khác nói tốt về mình.

“Đức Thế Tôn nói như vậy. Và sau khi Đức Thế Tôn nói vậy, Người nhắc lại như sau:

"Bạn là bạn giúp đỡ,
Bạn chia buồn, sẻ vui,
Bạn luôn khuyên đúng đắn
Bạn cũng luôn cảm thông —

Bốn loại là bạn tốt
Bậc trí hiền nhận rõ
Và hết mực quý mến
Như mẹ yêu quý con

Người trí hiền, đức hạnh
Sáng ngời như ánh lửa
Gầy dựng nên tài sản

Bằng nghiệp thiện, nghề lành

Như con ong chăm chỉ
Tha mật về thành tổ [7]
Của cải lúc càng nhiều
Như tổ kiến xây thành.

Làm giàu theo cách này
Đúng cách người tại gia
Tiền của phân bốn (4) phần
Vây bạn bè khen ngợi.

Một phần chi xài cá nhân [8]
Hai phần cho việc làm ăn
Một phần dành riêng tiết kiệm
Phòng khi bất trắc rủi ro."

(III)

“Và bây giờ, này chủ gia trẻ, Nghi Luật Thánh Nhân bảo vệ sáu phương như thế nào?”

“Những đối tượng sau đây sẽ được coi là sáu Phương. Đức Phật nói với chàng trai trẻ rằng:

“Nghi Luật Thánh Nhân” (hay còn gọi là “Thánh Giới Luật” (*ariyassa-vinaye*) của Đức Phật về sáu phương thì khác”, sáu phương đó là:

- (1) Đông: Cha Mẹ;
- (2) Nam: Thầy Cô;
- (3) Tây: Vợ con;
- (4) Bắc: Bạn bè, họ hàng và láng giềng;
- (5) Thiên đế (*nadir*): Người ở, người làm, nhân viên;

(6) Thiên đỉnh (*zenith*): Sư thầy, tu sĩ, những người mộ đạo, thánh nhân...[9]

1. Đông: Cha Mẹ

— “Này chủ gia trẻ, một người con phải có trách nhiệm đối với cha mẹ bằng năm (5) cách sau đây:

- i. Vì được cha mẹ nuôi dưỡng, nên phải chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ già yếu;
- ii. Phải thực hiện những công việc giúp đỡ cho cha mẹ;
- iii. Gìn giữ danh dự và duy trì gia phong của gia đình;
- iv. Phải gìn giữ những gì cha mẹ đã vất vả làm ra và để lại cho mình; và
- v. Phải tổ chức lễ nghi, cúng kính khi cha mẹ đã qua đời.

[10]

— “Còn đối với cha mẹ, cha mẹ cũng phải thể hiện tình yêu thương đối với con cái theo năm (5) cách sau đây:

- i. Phải nuôi dạy khuyên răn con tránh xa đường xấu ác;
- ii. Hướng, dạy con làm điều lành, điều thiện, điều có ích;
- iii. Phải lo cho con cái được ăn học tốt;
- iv. Gả cưới con cái cho những gia đình tốt; và
- v. Chuyển giao tài sản cho con cái đúng lúc.

► “Bằng cách này, phương Đông được bảo vệ và an toàn cho người ấy”.

2. Nam: Thầy Cô:

— “Này chủ gia trẻ, một học trò phải có trách nhiệm với Thầy, Cô theo năm (5) cách như sau đây:

- i. Học trò phải kính trọng, chào hỏi lễ phép;

- ii. Vâng lời thầy cô của mình;
- iii. Chú tâm đến những điều thầy cô cần;
- iv. Vâng lời khi được nhờ sai; và
- v. Phải cố gắng học tập hết mình.

— “Còn đối với người thầy phải có trách nhiệm đối với học trò theo năm (5) cách sau đây:

- i. Dạy dỗ và uốn nắn học trò một cách đúng phép;
- ii. Dạy học, dạy nghề cho học trò;
- iii. Giới thiệu học trò với bạn bè mình, đồng nghiệp mình;
- iv. Chăm lo an toàn cuộc sống; và
- v. Giúp đỡ, lo công ăn việc làm cho học trò khi đã học xong.

► “Bằng cách này, phương Nam được bảo vệ và an toàn cho người ấy”.

3. Tây: Vợ Chồng:

— “Này chủ gia trẻ, một người chồng phải có trách nhiệm với người vợ theo năm (5) cách sau đây:

- i. Người chồng phải luôn luôn chân thật với vợ;
- ii. Không bao giờ bót tôn trọng vợ mình;
- iii. Luôn yêu thương vợ và chung thủy với vợ;
- iv. Phải lo lắng phương tiện đi đứng và tiện nghi cho vợ mình; và
- v. Làm vui lòng vợ bằng cách mua quần áo, nữ trang để tặng vợ mình.

— “Đối với người vợ, người vợ phải có trách nhiệm với người chồng theo năm (5) cách sau đây:

- i. Phải trông nom, chăm sóc mọi chuyện nhà cửa, nội trợ;
- ii. Tiếp đãi khách khứa đến thăm, vui vẻ với bạn bè, bà con và những người làm công [11] cho gia đình mình;
- iii. Phải yêu thương chồng và chung thủy với chồng;
- iv. Gìn giữ những tài sản người chồng đã làm ra;
- v. Phải tháo vát và khôn khéo trong mọi việc giúp chồng.

► “Bằng cách này, phương Nam được bảo vệ và an toàn cho người ấy”.

4. Bắc: Bạn bè, họ hàng và láng giềng:

— “Này chủ gia trẻ, một người trong gia đình phải có trách nhiệm đối xử với bạn bè, họ hàng...theo năm (5) cách sau đây:

- i. Phải nên hoan hỉ và rộng lòng với người khác;
- ii. Ăn nói hòa nhã, dễ nghe;
- iii. Nên làm những việc có lợi lạc cho người khác;
- iv. Phải sòng phẳng, bình đẳng trong mọi điều với mọi người;
- v. Nói lời chân thật, thật thà.

— “Đối với những người bạn, họ hàng, phải có trách nhiệm thể hiện tình thương yêu đối với người ấy theo năm (5) cách sau đây:

- i. Bảo vệ người ấy khi người ấy cần sự bảo vệ;
- ii. Gìn giữ tài sản người ấy khi người ấy bất lực;
- iii. Phải giúp đỡ khi người khác cần;
- iv. Không nên bỏ nhau trong những lúc khó khăn, hoạn nạn;
- v. Làm nơi nương nhờ khi anh ấy gặp hiểm nguy.

► “Bằng cách này, phương Bắc được bảo vệ và an toàn cho người ấy”.

5. Thiên đế (*nadir*): Người ở, người làm, nhân viên:

— “Này chủ gia trẻ, một người chủ phải có trách nhiệm đối với người ở, người làm theo năm (5) cách sau đây:

- i. Giao công việc phải phù hợp với khả năng của người làm;
- ii. Phải nên trả lương, cung cấp thức ăn tương xứng với lao động của họ;
- iii. Phải cung cấp thuốc men cho họ khi họ đau ốm;
- iv. Đôi lúc chia sẻ một ít cao lương mỹ vị cho họ;
- v. Cho họ nghỉ phép và nhiều lúc phải cho thêm hoặc thưởng công cho họ để khuyến khích họ.

— “Đối với người làm thuê, vì được chủ đối đãi như vậy, nên cũng đáp lại bằng trách nhiệm theo năm (5) cách sau đây:

- i. Dậy sớm trước chủ;
- ii. Đi ngủ sau chủ;
- iii. Thật thà chỉ nhận lấy những gì được cho;
- iv. Làm tốt mọi việc;
- v. Nói tốt đẹp về chủ, giữ gìn uy tín cho gia đình người chủ.

► “Theo cách này, Thiên Đế được bảo vệ và an toàn cho người ấy”.

6. Thiên đỉnh (*zenith*): Sư thầy, tu sĩ, những người mộ đạo, thánh nhân...[11]

— “Này chủ gia trẻ, một người tại gia phải có trách nhiệm đối với những sư thầy, tu sĩ, những người mộ đạo, thánh nhân...theo năm (5) cách sau đây:

- i. Có hành động quý mến đối với họ;
- ii. Có lời nói quý mến đối với họ;
- iii. Có suy nghĩ quý mến đối với họ;
- iv. Luôn mở rộng nhà cửa tiếp đón họ;
- v. Chăm lo, cấp dưỡng cho những nhu cầu vật chất của người xuất gia với lòng thương mến và kính trọng.

— “Đối với những sư thầy, tu sĩ, những người mộ đạo, thánh nhân... thì có trách nhiệm đối với người tại gia đó theo sáu (6) cách như sau:

- i. Hướng dẫn họ đi theo con đường tốt, làm điều thiện;
- ii. Hướng dẫn họ tránh xa điều xấu, điều ác;
- iii. Thương mến họ với suy nghĩ tốt đẹp;
- iv. Truyền đạt, phổ biến những kiến thức (*bồ thí Pháp*) mà họ chưa học được;
- v. Đính chính và làm rõ những gì họ đã học được;
- vi. Chỉ cho họ thực hành con đường hướng thượng, để được lên cõi Trời.

► “Theo cách này, Thiên Đỉnh được bảo vệ và an toàn cho người ấy”.

“Đức Thế Tôn nói như vậy. Và sau khi Đức Thế Tôn nói vậy, Người nhắc lại như sau:

“Mẹ cha là phương Đông
Thầy cô là phương Nam
Vợ con là phương Tây
Bạn bè...là phương Bắc

Người làm là Thiên Đê
Su thầy...là Thiên Đỉnh
Người tại gia đường hoàng
Nên kính trọng sáu phương.

(1)

Người khôn ngoan, đức hạnh
Hiền lành và minh mẫn
Khiêm tốn, biết sửa đổi
Người ấy đáng tôn vinh
Sẽ có ngày thành đạo.

(2)

Người siêng năng, chịu khó
Vững vàng lúc nguy nan
Chuẩn mực và thông minh
Người ấy đáng tôn vinh
Sẽ có ngày thành đạo.

(3)

Người hiếu khách, thân thiện
Thoải mái, không ích kỷ
Chỉ dạy và dẫn dắt
Người ấy đáng tôn vinh
Sẽ có ngày thành đạo.

(4)

Rộng lòng và ái ngữ
Luôn giúp đỡ mọi người
Vô tư, không thiên vị
Khi bất cứ ai cần

Bốn (4) cách khôn ngoan này giúp cuộc đời
Giống như trục bánh xe đang chạy
Nếu những phẩm chất này không có
Mẹ cha cũng sẽ không có được
Sự tôn trọng và danh dự từ con cái

Vì có bốn (4) cách khôn ngoan này
Người hiền trí luôn coi trọng từng cách
Để thành đạt sự cao cả tâm linh
Và ngợi khen sự thành đạt đó”

Sau khi Đức Thế Tôn giảng giải như vậy, chủ gia trẻ Sigala nói lên điều này:

“Thật vi diệu, Đức Cồ-Đàm, thật xuất chúng! Giống như người nên đứng thẳng dậy, sau bao lâu nay bị lộn đầu xuống đất, hay như phơi bày ra được những điều đã bị che giấu, hay như là chỉ đường cho người lạc lối, hay như là đem ngọn đèn vào soi bóng tối để cho ai có mắt sẽ được nhìn thấy mọi vật. Cứ như vậy, Giáo Pháp đã được Đức Cồ-Đàm khéo léo giảng dạy bằng nhiều cách.

“Nay con xin quy y nương tựa vào Đức Cồ-Đàm, vào Giáo Pháp và vào Tăng Đoàn. Con xin Đức Thế Tôn chấp nhận con là đệ tử tại gia quy y nương tựa vào Người từ nay cho đến cuối đời.”

(“*Trường Bộ Kinh*”, Kinh số 31)

(*Bản dịch qua tiếng Việt của Lê Kim Kha*)

■ Chú Thích:

[1] Bây giờ Đức Phật giải thích cho Sagala rõ sáu phương đó là những gì và làm thế nào để ‘thờ cúng’ những phương đó theo đúng “Nghị Luật Thánh Nhân” (Thánh Giới Luật), bằng cách thực hiện những nghĩa vụ và bổn phận đối với những ‘phương’ đó, thay vì chỉ thực hiện việc cúng lạy theo truyền thống cũ của Bà-la-môn. Nếu ‘sáu phương’ được “kính trọng” theo những cách này, thì sáu phương sẽ được bảo vệ an toàn, và không còn hiểm họa đến từ đó.

Bà-la-môn cũng thờ cúng các phương của thế gian với mục đích là ‘ngăn chặn’ những hiểm họa đến từ những linh hồn và thánh thần ngụ ở những phương đó, theo truyền thống Vệ-Đà. Đức Phật là người không đồng tình và bài bác những tục lệ mê tín đó, mà đưa vào những ý nghĩa “thiết thực” cho những phương” đó.

[2] kamma-kilesa: nghĩa gốc là “hành động ô nhiễm”, nghiệp bất tịnh, xấu xa.

[3] Tiếng Pali là chanda, dosa, moha và bhaya. Đây là bốn phẩm chất xấu, “tà tâm” hay bốn con đường sai lạc, “tà đạo” dẫn đến những hành độn sai trái, “tà nghiệp”.

[4] Tức là người nào hay đi đến hay la cà ở những chỗ không tốt, hay xảy ra tệ nạn, thì khi có tệ nạn hay án mạng xảy ra thì người đó thường bị coi là nghi ca, thậm chí có thể bị bắt hay kết án oan.

[5] Một loại trò giải trí cổ xưa vào thời Đức Phật. Trong bản dịch của Hòa thượng W. Rahula là vậy. Còn trong bản dịch của Hòa thượng Narada Thera thì tiếng Anh là “pot-blowing”, nhưng người dịch tiếng Việt vẫn không tìm ra tên tương đương gần nhất trong tiếng Việt hay cách thức của trò giải trí này.

[6] Trong bản kinh gốc bằng tiếng Pali, thì có “sáu nguyên nhân”, nhưng gồm có 2 từ kép và một từ ghép hai nghĩa, nên nếu

phân tích ra đúng thì bao gồm đến 9 nguyên nhân làm cho một người bị sa sút và hư hỏng.

[7] Kinh Pháp Cú, kệ 49 (Dhammapada v. 49) thì Phật thuyết tả rằng:

"...
*Như ong đến vườn hoa,
Chỉ lấy mật bay ra,
Không hại gì hương sắc."*

Ở đây ý Phật cũng tương tự, là việc làm giàu chân chính, lương thiện thì cũng như cách loài ong lấy mật mang về tổ vậy.

[8] Phân tiêu xài cá nhân này là bao gồm tất cả những chi tiêu hàng ngày cho bản thân, gia đình, con cái. Lưu ý rằng Phật cũng đã dạy rõ rằng, phần chi tiêu vào những việc từ thiện, cúng dường cho bậc chân tu, Tăng Ni, giúp đỡ người nghèo...thì cũng nằm trong phần chi tiêu cá nhân này.

[9] Ý nghĩa của từng phương đã được Đức Phật chọn một cách có suy xét rất hay.

Như phương Đông là nơi bắt đầu của một ngày, cũng giống như cha mẹ là nơi kính trọng đầu tiên, nơi mà chúng ta được sinh ra. Tiếp theo thứ tự là lớn lên và đi học là nhờ thầy, cô ở giữa là phương Nam (dakkhina). Rồi đến khi trưởng thành có vợ, con thì phương Tây là phần sau của một ngày, quãng đời của một người đàn ông (hay đàn bà) đã làm chồng, làm cha (hay làm vợ, làm mẹ). Phương Bắc có nghĩa là “vượt qua” (uttara), vì vậy như ý nghĩa ai mà tôn trọng, giúp đỡ bạn bè...thì sẽ vượt qua những phiền toái, rắc rối và méch lòng trong đời (theo nghiên cứu và ý giảng luận của Tiến sĩ Rhys Davids).

Còn người làm, nhân công...coi như Thiên Đế như là sự giúp đỡ, nền tảng vững chắc cho cuộc sống ổn định hàng ngày. Thiên Đỉnh dành cho những bậc chân tu, thánh nhân, những người kính

đạo, đồng đạo. Có lẽ ý nghĩa cuộc sống “tâm linh”, hướng đạo là được đưa lên trên cao nhất. (Trong nghĩa gốc kinh điển, Phật chỉ rõ là “những bậc tu hành Sa-môn và những Bà-la-môn”, tức là hai giới đại diện cho những người hướng về “tâm linh”, những bậc đáng kính vào thời Đức Phật).

[10] Bản dịch của Hòa Thượng W. Rahula thì như vậy. Tuy nhiên, trong bản dịch của Hòa thượng Narada Thera thì có giải thích thêm ý nghĩa chi tiết về hành động hiếu lễ này khi cha mẹ (hay cả ông bà, anh em, họ hàng...) qua đời, là người ta hay cúng dường cho Tăng Ni, nhân danh người đã khuất, để hồi hướng công đức cho những người đã khuất. Phong tục của những Thánh Nhân là không bao giờ quên người thân đã mất. Truyền thống này vẫn còn được tuân giữ ở những nước Phật giáo.

Ở Tích Lan thì họ tổ chức lễ cúng dường Tăng Ni (như Trai Tăng...) vào ngày thứ tám của tháng thứ ba kể từ ngày cha mẹ hay người thân qua đời và mỗi dịp ngày giỗ. Công đức của những việc cúng dường đó được hồi hướng cho người đã khuất. Sau khi làm những nghiệp phước (punna-kamma) đó, những Phật tử vẫn luôn luôn tưởng nhớ đến cha mẹ, vì lòng thành kính và biết ơn cha mẹ đã được Đức Phật luôn luôn nhắc nhở.

Ở Việt Nam, việc làm lễ cúng dường Tăng Ni (như trai tăng...) để hồi hướng công đức cho người đã khuất cũng mang ý nghĩa phong phú và cao đẹp giống nhau như vậy. Chỉ có khác nhau về mộ số nghi thức và thời gian, theo truyền thống của Đại Thừa từ Trung Quốc từ xưa.

[11] Từ gốc Pali là “parijana”, có nghĩa là những “người tùy tùng, người theo sau, người hầu hạ”.

Kinh ‘Lời Khuyên Dạy Vyagghapajja’

(*Dighajanu Sutta*)

(*Bản dịch từ tiếng Pali qua tiếng Anh của
Hòa thượng Narada Thera*)

“Những Điều Kiện Mang Lại Phúc Lợi”

Hòa thượng Narada Thera chú giải về kinh này:

Trong kinh này, Đức Phật đã chỉ dạy cho những người tại gia giàu có những cách để gìn giữ và gia tăng của cải và cách để tránh làm thất thoát tài sản.

Tuy nhiên, của cải vật chất không thể làm nên một con người hoàn thiện cũng như một xã hội hòa đồng. Sự sở hữu của cải vật chất thường làm bội tăng lòng ham muốn của con người và rồi khiến cho người ta mãi mãi đeo đuổi để có được thêm của cải và quyền lực. Nhưng rồi cuối cùng những dục vọng không ngừng đó đến lúc gần đất xa trời rồi cũng chỉ để lại niềm bất toại nguyện và đau khổ hụt hẫng mà thôi. (Điều này tất cả chúng ta đều thấy trước rõ ràng!). Dục vọng và sự theo đuổi nó tạo ra muôn vàn những tranh giành, xung đột và bất đồng hàng ngày trong xã hội. (Nếu không phải thì cái gì tạo ra những sự thật đó của xã hội?). Ví dụ, còn chiến tranh xảy ra là do dồn nén sự căm ghét của một bên là giai cấp không được đặc quyền được cho là bị bóc lột, đứng lên chống lại bên khác là bất công và bóc lột cũng vì do lòng tham và dục vọng.

Vì vậy, Đức Phật đã gán những lời khuyên tạo ra phúc lợi về vật chất với những lời dạy về bốn điều cần thiết mang lại phúc lợi về tâm linh. Đó là: Lòng Tin vào giáo lý của Đức Phật (tín), Đức Hạnh (giới), Lòng Rộng Lượng (bố thí) và Trí Tuệ (bát-nhã). Bốn điều này là những điều kiện cần có trong mỗi con người thành đạt chân chính. Đó là những người không phải chỉ theo đuổi mục đích vật chất cá nhân ích kỷ, mà luôn nghĩ đến lẽ công bằng và những bổn phận đóng góp cho xã hội.

Chỉ cần một ví dụ gợi ý: một tấm lòng tốt rộng lượng có được từ trí tuệ sẽ góp phần làm giảm những căng thẳng và xung đột trong xã hội. (Những việc làm từ thiện, đóng góp cho xã hội sẽ là những phong trào làm giảm bớt sự căng thẳng do sự chênh lệch giàu nghèo trong xã hội). Cho nên, người nào vừa nỗ lực làm ăn chân chính, vừa sống theo những lời dạy của Phật, thì người đó sẽ là một công dân mẫu mực nhất và có giá trị nhất cho xã hội và gia đình.

“Tôi nghe như vậy:

“Có lần khi Đức Thế Tôn đang trú ngụ ở chỗ những người Koliya [1], trong khu phố chợ tên là Kakkarapatta. Lúc bấy giờ, ông Dighajanu [2], là một người Koliya, đến gặp Đức Thế Tôn, cúi chào Đức Phật và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xong, ông thưa với Đức Thế Tôn như sau:

“Thưa Ngài, chúng con là những người tại gia đang thụ hưởng những vui sướng thế tục cùng vợ con. Chúng con dùng gỗ đàn hương và lụa Kasi. Chúng con dùng vòng hoa, dầu thơm (nước hoa) và phấn sáp (kem, chất cao). Chúng con dùng vàng bạc. Đối với những người như chúng con, mong được Đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp (Dhamma), dạy những điều để chúng con theo đó mà *duy trì* được hạnh phúc trong đời này và đời sau”.

(I) Những Điều Tạo Ra Phúc Lợi Cho Cuộc Sống Thế Tục

“Này ông Vyagghapajja (ông Chân Cọp) [3], có bốn (4) điều kiện mang lại những sự giàu có và hạnh phúc cho đời sống tại gia”. Bốn đó là gì?

- “Đầy đủ sự tháo vát (utthana-sampada)
- “Đầy đủ sự cẩn trọng (arakkha-sampada),
- “Có bạn bè tốt (kalyanamittata) và
- “Có cuộc sống cân bằng (sama-jivikata).

(1) “Cái gì là ‘Đầy đủ sự tháo vát’?”

“Nghĩa ở đây là, này Vyagghapajja, dù bất kỳ nghề nghiệp gì người tại gia đang làm, dù là làm nông, buôn bán, chăn nuôi gia súc, săn bắn, làm phục vụ cho nhà vua, hoặc bất cứ

nghe gì — thì ở đó người đó cần phải có kỹ năng và không lười biếng; hiểu rõ cách làm và công cụ nghề nghiệp; nên có khả năng thực hiện và phân việc cho người khác làm. Điều này được gọi là có đầy đủ sự tháo vát.

(2) “Cái gì là ‘Đầy đủ sự cẩn trọng’?”

“Nghĩa ở đây là, này Vyagghapajja, bất kỳ tài sản nào của người tại gia, được làm ra bằng nỗ lực của mình, bằng sức mạnh đôi tay, bằng mồ hôi nước mắt của mình, bằng những việc làm chân chính — thì người ấy cần phải nên gìn giữ và bảo vệ một cách cẩn trọng, làm thế nào tài sản không bị vua mang đi, không bị trộm cướp đi, không bị hỏa hoạn, không bị nước cuốn đi, hay không bị các người kế thừa âm mưu cướp đoạt. — Điều này được gọi là “có đầy đủ sự cẩn trọng”.

— “Làm thế nào các tài sản này của ta không bị vua mang đi, không bị trộm cướp mang đi, không bị lửa đốt, không bị nước cuốn trôi, không bị các người con thừa tự ‘bất nghĩa’ cướp đoạt”. Này Byagghapajja, điều này được gọi là “có đầy đủ sự cẩn trọng”.

(3) “Cái gì là ‘Có bạn bè tốt’?”

“Nghĩa ở đây là, này Vyagghapajja, dù người tại gia đó đang ở trong làng mạc hay nơi phố chợ, người ấy luôn gặp gỡ, trao đổi hay thảo luận những chủ gia khác hay những người con của họ, dù là trẻ tuổi và có đức dục hay người lớn tuổi và có đức dục, đầy đủ lòng tin (tín, saddha) [4], đầy đủ giới hạnh (giới, sila), đầy đủ lòng rộng lượng (bố thí, caga), đầy đủ trí tuệ (bát-nhã, pañña). Với những người đầy đủ lòng tin, người tại gia đó học hỏi với đầy đủ; Với những người đầy đủ giới hạnh, người tại gia đó học hỏi với đầy đủ giới hạnh; Với những người đầy đủ lòng rộng lượng, người tại gia đó

học hỏi với đầy đủ lòng rộng lượng; Với những người đầy đủ trí tuệ, người tại gia đó học hỏi với đầy đủ trí tuệ. — Điều này được gọi là “có bạn bè tốt”.

(4) “Cái gì là ‘Có cuộc sống cân bằng’?”

“Nghĩa ở đây là, này Vyagghapajja, người tại gia cần biết rõ (tổng) thu nhập và chi xài của mình ra sao để giữ cho cuộc sống cân bằng, không chi xài phung phí, cũng không quá hà tiện; luôn luôn biết chi xài ít hơn thu nhập, nhưng không nên chi xài nhiều hơn thu nhập.

“Giống như người thợ bạc [5] hay người thợ phò của ông, biết rõ rằng với thêm chùng ấy, cần cân nặng xuống, với chùng kia cần cân nhắc lên; cũng như vậy, người tại gia cần biết rõ (tổng) thu nhập và chi xài của mình ra sao để giữ cho cuộc sống cân bằng, không chi xài phung phí, cũng không quá hà tiện; luôn luôn biết chi xài ít hơn thu nhập, nhưng không nên chi xài nhiều hơn thu nhập.

“Này Vyagghapajja, nếu một người tại gia có thu nhập hạn chế nhưng sống tiêu xài phung phí, thì người đời hay gọi người đó là: *“Người rung rớt hết táo trên cây trong khi chỉ thèm ăn một trái”* [6].

“Này Vyagghapajja, nếu một người tại gia có thu nhập giàu có nhưng sống hà tiện, khắc khổ, thì người đời hay gọi người đó là: “Người sẽ chết như một kẻ chết đói”.

(II) Bốn Cách Làm Tiêu Tán Tài Sản

“Này Vyagghapajja, đối với tài sản làm ra được, có bốn (4) cửa gây ra thất thoát, tiêu tán. Đó là:

- (1) Dâm dật, trai gái;
- (2) Rượu chè, say xỉn;
- (3) Cờ bạc, cá độ;
- (4) Có bạn xấu, giao du với kẻ ác.

“Cũng giống như một ao trữ nước có bốn cửa nước đổ vào, có bốn cửa nước chảy ra. Nếu một người đóng các cửa nước chảy vào và mở các cửa nước chảy ra, và cũng không có nước mưa rơi xuống, thì nước trong ao sẽ vơi cạn đi, chứ không tăng lên. Cũng cách như vậy, tài sản sẽ tiêu tán đi vì bốn (4) cửa gây thất thoát — Đó là Dâm dật, trai gái; Rượu chè, say xỉn; Cờ bạc, cá độ; và Có bạn xấu, giao du với kẻ ác.

(III) Bốn Cách Giữ Gìn và Bảo Vệ Tài Sản

“Này Vyagghapajja, đối với tài sản làm ra được, có bốn (4) cửa để giữ gìn, gia tăng. Đó là:

- (1) Không dâm dật, trai gái;
- (2) Không rượu chè, say xỉn;
- (3) Không cờ bạc, cá độ;
- (4) Không có bạn xấu hay giao du với kẻ ác.

“Cũng giống như một ao trữ nước có bốn cửa nước đổ vào, có bốn cửa nước chảy ra. Nếu một người mở các cửa nước chảy vào và đóng các cửa nước chảy ra, và cũng có đầy đủ nước mưa rơi xuống, thì nước trong ao sẽ tăng lên, chứ không vơi cạn đi. Cũng cách như vậy, tài sản sẽ tăng lên nhờ bốn (4) cửa giữ gìn, gia tăng tài sản — Đó là Không dâm dật, trai gái; Không rượu chè, say xỉn; Không cờ bạc, cá độ; và Không có bạn xấu hay giao du với kẻ ác.”

“Đây là bốn (4) điều, này Vyagghapajja, sẽ giúp mang lại sự giàu có và hạnh phúc cho những người tại gia trong đời này”.

(IV) Những Điều Mang Lại Phúc Lợi Cho Đời Sống Tâm Linh

“Có bốn (4) điều, này Vyagghapajja, sẽ giúp mang lại sự giàu có và hạnh phúc cho những người tại gia trong đời sau. Bốn đó là gì?”.

“Có đầy đủ lòng tin (tín, saddha-sampada),

“Có đầy đủ giới hạnh (giới, sila-sampada),

“Có đầy đủ lòng rộng lượng (bố thí, caga-sampada),

“Có đầy đủ trí tuệ (bát-nhã, pañña-sampada).

(1) “Cái gì là “Có đầy đủ lòng tin”?”

“Nghĩa ở đây là, này Vyagghapajja, người tại gia có đủ lòng thành tín, người ấy tin vào sự Giác Ngộ của Như Lai (Tathagata), tức là Đức Phật:

"Thật vậy, Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc Có Đủ Trí Tuệ và Đức Hạnh, bậc Thoát Ly Khéo Léo, bậc Hiểu Rõ Thế Gian, bậc Thuần Phục Con Người, Thầy của trời và người, Phật và Thế Tôn".

— Điều này được gọi là “Có đầy đủ lòng tin”.

(2) “Cái gì là “Có đầy đủ giới hạnh”?”

“Nghĩa ở đây là, này Vyagghapajja, người tại gia luôn kiêng cử, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu hay dùng chất độc hại.

— Điều này được gọi là “Có đầy đủ giới hạnh”.

(3) “Cái gì là “Có đầy đủ lòng rộng lượng”?”

“Nghĩa ở đây là, này Vyagghapajja, người tại gia sống với tâm không tham tục, đóng góp cho từ thiện, giang tay giúp đỡ, vui thích việc hào hiệp, có mặt khi người gặp khó cần giúp, vui thích việc [7] bố thí, cúng dường. — Điều này được gọi là “Có đầy đủ lòng rộng lượng”.

(4) “Cái gì là “Có đầy đủ trí tuệ”?”

“Nghĩa ở đây là, này Vyagghapajja, người tại gia sống có trí tuệ: Người sống có trí hiểu rõ lẽ sinh diệt (như sự sinh diệt của năm tập hợp uẩn tạo nên con người); có trí tuệ thánh thiện nhìn thấu bên trong mọi sự vật giúp đưa đến chấm dứt khổ đau. Điều này được gọi là “Có đầy đủ trí tuệ”.

“Đây là bốn (4) điều, này Vyagghapajja, sẽ giúp mang lại sự giàu có và hạnh phúc cho những người tại gia trong đời sau”.

Tháo vát và chú tâm trong công việc (1)

Quản lý tài sản một cách khôn ngoan (2)

Sống thu chi một cách cân bằng (3)

Cẩn trọng gìn giữ của cải đã làm ra (4)

Có đầy đủ lòng tin (5) và đức hạnh (6)

Rộng lượng, không tham lam, ích kỷ (7)

Luôn bước theo con đường trong sáng (8)

Dẫn đến phúc lành cho kiếp sống tương lai

Thật vậy, người tại gia đầy đủ lòng tin

Vào Đức Phật, là “bậc Giác Ngộ”

Với tám (8) điều dạy trên đây
Sẽ dẫn chúng ta đến hạnh phúc hôm nay và sau này.

(“*Tăng Chi Bộ Kinh*” (Aguttara Nikaya 31)

(Bản dịch qua tiếng Việt của Lê Kim Kha)

■ Chú Thích:

[1] Những người/ xứ Koliya (HV: Câu-lợi) là những người thù hằn với những người/ xứ Sakya (Thích Ca). Hoàng hậu Maha Maya (HV: Ma-Da), là mẹ của Đức Phật, là thuộc xứ/ họ Koliya và vua Suddhodana (HV: Tịnh-Phạn), là cha Đức Phật, thì thuộc xứ Sakya.

[2] Nghĩa gốc của từ “Dighajanu” này là “chân dài”, vì biệt danh của ông này là “Chân cạp dài”.

[3] “Vyagghapajja” có nghĩa là “con đường của Cạp”, ông ta cũng được gọi bằng biệt danh này, vì tổ tiên, dòng họ của ông được sinh ra trên những con đường rừng là dấu tích của dấu chân cạp tàn phá và đi qua. “Vyagghapajja” là họ của gia đình ông “Dighajanu” (nghĩa “chân dài của cạp” hay “chân cạp”).

[4] “Saddha” (lòng tin) là lòng tin xác tín, là lòng tin dựa vào sự hiểu biết đúng đắn, chứ không phải là lòng tin mù quáng, theo kiểu đức tin.

[5] Nguyên bản tiếng Pali là từ “Tuladharo”, có nghĩa là người mang cân, người cầm cân. Hòa thượng dịch thành “người thợ bạc” (như với cân tiểu ly) để dễ hình dung.

[6] Nguyên gốc từ Pali để gọi loại người này là “Udambarakhadaka”. Theo Luận giảng, đó là người muốn (một vài) ăn trái sung, nhưng rung cây làm tụt cả trái rụng hết, kết quả là phần nhiều trái rơi đã bị lãng phí. Ý chỉ người có nhu cầu tiêu xài chính đáng thì ít, nhưng phung phí, xả láng, ngay cả khi làm chẳng ra bao nhiêu tiền của.

[7] “Vui thích” ở đây chỉ sự “hoan hỷ”, thích thú và tự nguyện làm những việc phước thiện hơn là làm những việc có lợi về vật chất hay về quyền lợi cá nhân của mình. Vì sao?, vì những hành động công đức luôn mang lại niềm an lạc lâu bền, là thiện nghiệp và thiện nghiệp là phương tiện để mang lại an ninh và hạnh phúc

cho đời này và đời sau. Không còn con đường nào khác. Cho nên người tại gia có hiểu biết, trí tuệ luôn ưu tiên thành tựu những việc làm đức hạnh và tâm linh này.

Kinh ‘Nguyên Nhân Suy Đồi’

(*Parabhava Sutta*)

(*Bản dịch từ tiếng Pali qua tiếng Anh
của Hòa thượng Narada Thera*)

“Những Điều Làm Sa Sút Một Con Người”

Hòa thượng Narada Thera chú giải về kinh này:

Trong khi Kinh “Điềm Lành” nêu ra những cách thức và những điều kiện mang lại phúc lành và tiến bộ cho con người, thì “**Kinh Nguyên Nhân Suy Đồi**” (*Parabhava Sutta*) này, ngược lại, chỉ ra những điều là nguyên nhân làm một con người suy sụp, sa sút về đời sống vật chất và đạo đức. Những người để cho mình bị dính hay lún sâu vào những nguyên nhân tiêu cực này thì cũng đã tự bít kín con đường dẫn đến đời sống hạnh phúc về vật chất và tâm linh của mình và đánh mất phần “người” (nhân) trong chữ “con người”. Ngược lại, những ai sống tỉnh giác, chú tâm vượt qua những điều ô trược đó thì cùng đi đến từng bước của 38 phúc lành cao nhất mà Đức Phật đã khuyên dạy trong Kinh “Điềm Lành”.

“Tôi nghe như vậy:

“Có một lần khi Đức Thế Tôn đang lưu trú tại tu viện Kỳ-Viên do ngài Anathapindika (Cấp-Cô-Độc) xây ở Khu Rừng Kỳ-Đà, gần thành Sāvatti (Xá-vệ). Lúc bấy giờ đã quá nửa khuya, một thiên thần với hào quang rạng rỡ, chiếu sáng cả Khu Rừng Kỳ-Đà, diện kiến Đức Thế Tôn, đến gần và trang nghiêm đánh lễ Người rồi đứng qua một bên. Sau khi đứng qua một bên, vị thiên thần đó thưa với Đức Phật bằng những vần kệ như sau:

Thiên Thần:

Con đến đây xin thưa nhiều câu hỏi với Đức Thế Tôn
Chúng con muốn hỏi về sự sa sút suy đồi của con người
Cầu xin Đức Cồ-Đàm (Gotama) chỉ cho chúng con
Những nguyên nhân dẫn đến sự suy đồi!

Đức Phật:

Dễ thấy người tiến bộ
Dễ thấy người suy đồi
Người yêu mến Giáo Pháp (Dhamma) [1],
thì sẽ luôn tiến bộ
Người không trọng Giáo Pháp,
thì sẽ luôn suy đồi.

Thiên Thần:

Vậy chúng con đã học
Và thấy được điều này:
Đây nguyên nhân thứ nhất
Xin Ngài dạy chúng con
Đâu nguyên nhân thứ hai.[2]

Đức Phật:

Gần gũi với kẻ xấu
Xa lánh người đức hạnh
Chỉ mê thích thói hư,
của kẻ xấu, kẻ ác
Là nguyên nhân thứ hai,
làm người đó suy đồi.

Thích ngủ ngày, thức đêm
Thích đàn đúm, đông người
Luôn uể oải, lười biếng,
và lại hay bốc đồng
Là nguyên nhân thứ ba,
làm người đó suy đồi.

Dù ăn nên làm ra
Không chăm lo cha mẹ
Già yếu vào cuối đời
Là nguyên nhân thứ tư,
làm người đó suy đồi.

Lừa dối người tu hành
Gạt gẫm Bà-la-môn,
những ả sĩ, khát sĩ
Là nguyên nhân thứ năm,
làm người đó suy đồi.

Nhiều của cải, vàng bạc
Gạo lúa thức ăn đầy
Nhưng hưởng thụ một mình
Là nguyên nhân thứ sáu,
làm người đó suy đồi.

Tự hào về tổ tiên,
Về dòng tộc, giàu có
Nhưng khinh rẻ người thân
Là nguyên nhân thứ bảy
làm người đó suy đồi.

Kẻ trác táng, rượu chè
Kẻ cờ bạc, cá độ
Làm một phung phí mười
Là nguyên nhân thứ tám,
làm người đó suy đồi.

Không hài lòng vợ mình
Đi lại với gái điếm
Tà dâm với vợ người
Là nguyên nhân thứ chín,
làm người đó suy đồi.

Người tuổi đã xế già
Lấy gái trẻ làm vợ
Rồi mất ngủ vì ghen
Là nguyên nhân thứ mười,
làm người đó suy đồi.

Tự ti đặt mình dưới
‘Một phụ nữ hay nam
hay ăn nhậu, phung phí’
Là nguyên nhân mười một,
làm người đó suy đồi.

Thuộc dòng dõi cao quý
Tài ít, tham vọng nhiều
Muru nắm quyền lãnh tụ

Là nguyên nhân mười hai,
làm người đó suy đồi.
Thấy rõ những nguyên nhân
Làm suy đồi con người,
trong thế gian ô trọc
Bậc thánh hiền thấu suốt
Nên chọn đường an lạc
Đến phúc lành, hạnh phúc.

(*“Kinh Tập”, I.6, thuộc “Tiểu Bộ Kinh”*)

(*Bản dịch qua tiếng Việt của Lê Kim Kha*)

■ Chú Thích:

[1] Như đã nói trong quyển sách này, cũng như trong rất nhiều kinh điển và luận giảng khác, chữ “giáo pháp” hay “pháp” (dhamma) mà Đức Phật dùng luôn có nghĩa là những chân lý, những lẽ thật về con người và thế gian, bao gồm cả những đạo lý, luân thường, những quy luật tự nhiên, nhân quả..., tất cả đều được giảng dạy cặn kẽ bởi Đức Phật, nên giáo pháp (dhamma) dĩ nhiên cũng chính là giáo lý của Đức Phật, là Phật Pháp (Buddha Sansana).

[2] Trong bản dịch tiếng Anh của Hòa thượng Narada Thera không đếm từ sau “nguyên nhân thứ hai”. Tuy nhiên, trong chú thích của ngài có ghi rõ là nguyên bản đếm đến đến mười hai. Bản dịch tiếng Việt cũng đếm đủ từ “thứ nhất cho đến...thứ mười hai”, như nhiều bản dịch trước đây. Điều đó cũng giúp cho bạn đọc nhận rõ những “nguyên nhân” Phật đã dạy trong bài kinh này.

Kinh “Điềm Lành”

(*Mangala Sutta*)

(*Bản dịch từ tiếng Pali qua tiếng Anh
của Hòa thượng Tiến Sĩ W. Rahula*)

"Những Điềm Lành Mang Lại Hạnh Phúc"

“Tôi nghe như vậy: [1]

“Có một lần khi Đức Thế Tôn đang lưu trú tại tu viện Kỳ-Viên do ngài Anathapindika (Cấp-Cô-Độc) xây ở Khu Rừng Kỳ-Đà [2], gần thành Sāvatti (Xá-vệ) [3]. Lúc bấy giờ đã quá nửa khuya, một thiên thần với hào quang rạng rỡ, chiếu sáng cả Khu Rừng Kỳ-Đà, diện kiến Đức Thế Tôn, đến gần và trang nghiêm đánh lễ Người rồi đứng qua một bên. Sau khi đứng qua một bên, vị thiên thần đó thưa với Đức Phật bằng những vần kệ như sau:

1.

“Chư thiên thần và người
Ngày đêm trông điềm lành
Trần trở về hạnh phúc [4]
Nguyện xin Đức Thế Tôn
Chỉ dạy cho con biết
Những Phúc Lành Cao Nhất!’.

(Đức Thế Tôn dạy rằng:)

2.

Không giao lưu kẻ xấu [5]
Gần gũi người trí hiền
Kính trọng người đáng trọng
– Là Phúc Lành Cao nhất.

3.

Sống ở nơi thích hợp [6]
Đã tạo nhiều công đức
Chọn theo đường chánh Đạo [7]
– Là Phúc Lành Cao nhất.

4.

Có kỹ năng, tháo vát [8]
Tuân giữ tốt giới luật [9]
Nói lời thật ôn hòa [10]
– Là Phúc Lành Cao nhất

5.

Luôn phụng dưỡng mẹ cha
Yêu thương vợ con nhiều
Làm những nghề chánh thiện
– Là Phúc Lành Cao Nhất.

6.

Rộng lòng trong bố thí
Chánh trực trong tư cách [11]
Giúp người thân họ hàng
Hành động không tội lỗi
– Là Phúc Lành Cao nhất.

7.

Ngừng và tránh việc ác

Không rượu chè, hút chích [12]
Kiên trì giữ đức hạnh
– Là Phúc Lành Cao nhất.

8.
Kính trọng [13] và khiêm nhường
Hài lòng và biết ơn
Nghe học Pháp đúng lúc [14]
– Là Phúc Lành Cao nhất.

9.
Kiên nhẫn, biết nghe lời
Gặp gỡ các sư thầy
Thảo luận Pháp đúng lúc
– Là Phúc Lành Cao nhất.

10.
Tự chủ [15], sống phạm hạnh
Thấy được Tứ Diệu Đế
Và chứng ngộ Niết-bàn
– Là Phúc Lành Cao nhất.

11.
Gặp phải lúc thăng trầm
(trong cuộc sống thế gian) [16]
Tâm người vẫn vô ưu,
Vô nhiễm và vô ngại [17]
– Là Phúc Lành Cao nhất.

12.
Ai làm được như vậy:
Tự tại khắp mọi nơi
Không dễ bị khuất phục

Mọi nơi được hạnh phúc

Những điều trên chính là:

Những Phúc Lành Cao Nhất.” [18]

(“Kinh Tập”, II.4, thuộc “Tiểu Bộ Kinh”)

(Bản dịch qua tiếng Việt của Lê Kim Kha)

■ Chú Thích:

[1] Kinh này có kết tập trong tập Kinh Tập (Sutta-Nipata), (từ dòng v.258 trở đi) và cũng có mặt trong Tiểu Bộ Kinh (Khuddakapatha Nikaya). Xem “Maha-mangala Jataka (No. 453), (“Chuyện Tiên Thân Đức Phật – Diêm Lành Lớn, Chuyện số 453). Để biết thêm chi tiết lịch sử và kết tập của kinh này, tham khảo thêm bài tham luận “Life’s Highest Blessing” (Phúc Lành Cao Nhất trong Đời Sống) của Tiến sĩ R. L. Soni, đăng trên tập san “WHEEL”, Số 254/256.

[2] “Anathapindika”, có nghĩa là “người cấp dưỡng, bố thí cho những người cô độc, nghèo khó”, nên gọi là ngài “Cấp Cô Độc”. Tên thật của người trưởng giả nhân từ này là “Sudatta”. Sau khi ông quy y theo đạo Phật, ông đã mua khu rừng thuộc sở hữu của Thái tử Jeta (HV: Kỳ-đà), và xây một tu viện để cúng dường cho Đức Phật và Tăng Đoàn, sau này được gọi là “Tu viện Jetavana” (Kỳ Viên).

Đây là nơi Đức Phật đã trải qua nhiều Mùa An Cư ba tháng mùa mưa hàng năm (HV: Kiết Hạ), bắt đầu từ Rằm tháng Bảy cho đến Rằm tháng Mười. Rất nhiều bài thuyết giảng (kinh) quan trọng của Đức Phật đã được Phật thuyết giảng tại đây, và rất nhiều sự kiện về cuộc đời của Đức Phật lịch sử đã diễn ra tại tịnh xá Kỳ Viên này.

Tại đây, Đức Phật đã chăm sóc cho một Tỳ kheo bị bệnh nhưng bị người đồng tu quên chăm sóc, và Phật đã khuyên dạy họ rằng: “Bất kỳ ai, này các Tỳ kheo, muốn chăm sóc ta, thì hãy để người ấy chăm sóc người đang bệnh”.

Cũng tại nơi này, Đức Phật đã khuyên dạy những đệ tử một cách vô cùng thấm thía và cảm động về quy luật vô thường đầy nghiệt ngã. Chuyện kinh kể rằng, khi có một người thiếu phụ tên Kisagotami mang xác đứa con thân yêu đến cầu xin Phật cứu sống, Phật thành tâm chia buồn, nhưng bảo người thiếu phụ rằng muốn

cứu sống con mình, thì đi tìm cho được một hạt cải từ trong một gia đình nào chưa bao giờ có người thân chết. Người thiếu phụ bắt đầu rong ruổi đi tìm, và sau khi tìm khắp không thấy có nhà nào như vậy, nên đã hiểu ra và “giác ngộ” được lời Phật dạy về Quy luật Vô thường, rằng đời sống của chúng ta là hữu hạn và ai trong chúng ta rồi cũng sẽ chết đi vào một ngày nào đó.

— Đức Phật:

“Mạng sống cuối cùng là sự chết. Cũng như vô bệnh và thanh xuân, sau cùng là bệnh hoạn và già lão”.

(Yathaa aarogya.m yabbana.m. Tatheva jiivitam sabbam Byaadhiijaraaparositam. Mara.nappariyasitam).

[3] Nơi này được xác định là địa danh mang tên “Sahet-Mahet”, gần Balrampur. ► Xem thêm quyển “Hành Hương Về Xứ Phật” của Chan Khoon San, Nxb Phương Đông, Tp. HCM.

[4] Theo Luận Giảng, từ “mangala” có nghĩa là những điều mang lại hạnh phúc và giàu có, tức là “điềm lành”.

[5] “Kẻ xấu” ở đây bao gồm cả những kẻ ngu xuẩn, mất dạy, vô văn hóa và cả những người có mang tâm niệm xấu ác, lời nói xấu ác và hành động xấu ác (thân, ý, miệng: ba nghiệp bất thiện).

[6] “Nơi thích hợp” ở đây theo Phật giáo là bất kỳ nơi nào mà những tu sĩ, tăng ni và những cư sĩ tại gia có thể tiếp tục cư ngụ; nơi có những người kính đạo, luôn tu tập và thực hiện mười hành động công đức (mười nghiệp thiện), và là nơi có giáo pháp (Dhamma) được tôn trọng là lẽ sống của mọi người ở đó.

[7] “Chọn con đường chánh đạo” theo luận giảng là chọn “lối sống chân chính”, bỏ những điều trái đạo đức để theo đạo lý (Giới hạnh), bỏ sự bất tín và mê tín để có được lòng tin chánh tín về Đức Phật và Phật pháp (Lòng tin), bỏ lòng ích kỷ, tham lam để sự rộng lòng, cho đi (Bố thí), như Đức Phật đã chỉ ra cho người tại gia.

[8] Ở đây dĩ nhiên là nói đến những nghề nghiệp lương thiện, vô hại cho chúng sinh. Đối với những người xuất gia thì đó là những việc làm nơi tu viện, cả những chuyện nhỏ như khâu vá y phục, thì cũng phải khéo tay, có kỹ năng để tự mình làm cho mình.

[9] “Giới luật” (Vinaya) ở đây có nghĩa là những điều cấm về ba nghiệp thân, ý, miệng. Nếu giảng giải ra cho đủ thì đó là giới luật về Mười Nghiệp Bất Thiện (akusala-kammapatha) mà người tại gia không nên làm, và sự cấm vi phạm Giới Luật Tỳ Kheo (Patimokkha) đối với những tu sĩ xuất gia là Tăng, Ni; Hay còn được gọi là Bốn Giới Thanh Tịnh của Tỳ kheo (catuparisuddhisila).

[10] “Nói lời thật ôn hòa” là những lời tốt đẹp, “ái ngữ”, được nói ra hợp thời, đúng lúc, chân thật, thân thiện và hữu ích và được nói với tâm niệm từ ái, thương mến. Ngược lại là những “tà ngữ” như nói dối, nói sai sự thật, nói lời mắng chửi, nói lời vu khống, nói dóc, nói lời vô ích, tào lao, ăn nói phi thời, không đúng lúc.

[11] “Chính trực trong tư cách” là chính trực về tư cách đạo đức, là thái độ chính thiện, tuân giữ và thực hành “Mười Nghiệp Thiện” (kusala-kammapatha) của “thân, ý, miệng”. Đó là:

Không Tham,
Không Ác,
Không Tà kiến;
Không Nói dối,
Không nói lời vu khống,
Không nói lời lăng mạ,
Không nói lời vô ích, tào lao;
Không sát sinh,
Không trộm cắp,
Không tà dâm.

[12] Là giới hạnh thứ năm, bao gồm không uống rượu bia, không hút chích ma túy và không dùng bất kỳ chất độc hại nào.

[13] “Kính trọng” ở đây là kính trọng những tu sĩ xuất gia, Tăng Ni, (và dĩ nhiên kính trọng cả những tu sĩ của những tôn giáo khác), những sư thầy của mình, cha mẹ, người lớn tuổi, người cấp trên, người giỏi giang hơn mình, v.v...

[14] Ví dụ, như lúc tâm đang bị tà niệm, những điều xấu ác quá nhiều hay xui khiến..., giúp khắc phục, vượt qua phiền não.

[15] Tụ chủ (tapo): là khả năng chế ngự Tham và Sân bằng cách chế ngự những giác quan (căn) của mình. Và chế ngự sự ủ dột và lười biếng (HV: trạo hối) bằng cách chủ động đánh thức năng lượng tinh tấn, đánh thức sự nhiệt thành về tu tập.

[16] Đó là “Pháp thế gian”, là những điều kiện (duyên) xảy ra trong cuộc đời của chúng ta trong thế gian thế tục, hay nói cách khác là Tám (8) Điều Đối Thay, đen trắng, trong đời để khiến người ta buồn lòng, bất hạnh, lo âu hay sợ hãi:

Được và mất
Vinh và nhục
Khen và chê
Sướng và khổ

[17] Đây là ba bản tâm hay phẩm chất “đắc đạo” của những bậc A-la-hán, bậc giải thoát hoàn toàn. Vô ưu (asoka): không còn phiền não, ưu sầu; Vô nhiễm (viraja) là vô tham, vô sân, vô si; Vô ngại (khema): sự an tâm, không còn sợ hãi vì đã không còn dính chấp vào và không còn mang theo nhục dục (kama), mầm mống tái sinh, tái hiện hữu (bhava), tà kiến (ditthi) và vô minh (avijja).

[18] Tức là tất cả 38 điều mang lại “Phúc lành Cao nhất” đã được chỉ dạy ở trên.

Kinh ‘Tâm Từ’

(*Metta Sutta*)

(*Bản dịch từ tiếng Pali qua tiếng Anh
của Hòa thượng TS Wapola Rahula*)

"Tình Thương Yêu Bao Trùm"

Chú thích của người dịch:

Đây là bài Kinh Đức Phật thuyết giảng cho nhiều Tỳ kheo đang tu tập trong rừng vắng, những nơi được xem là có nhiều chư thiên thần bậc thấp và những chúng sinh khác xung quanh, kể cả những chúng sinh khuất mặt. Các Tỳ kheo đôi khi cảm thấy bất an hoặc ngược lại cảm thấy mình đang quấy rầy những chúng sinh và thiên thần khuất mặt.

Thứ nhất, bài Kinh là để các thầy Tỳ kheo trì tụng để làm cho tâm an tịnh với tâm từ ái hướng về sự an bình của mỗi chúng sinh và chư thiên thần xung quanh. Thứ hai, bài Kinh là một “thông điệp” của Đức Phật về lòng Từ Ái, lòng yêu thương bao trùm của tất cả mọi người và chúng sinh nên dành cho nhau. Và chính lòng yêu thương bao trùm đó sẽ đem lại niềm an lạc, hạnh phúc và trạng thái Cao Đẹp nhất của tâm chúng ta.

Vì vậy, Kinh này thường được nhiều người tụng bằng miệng hay trong tâm trước khi bước vào giờ thiền, cho tâm của thiền sinh được an tịnh. Không phải chỉ riêng Phật tử tại gia, mà các sư thầy xuất gia ở những truyền thống thiền Phật giáo ở những nước theo Phật giáo nguyên thủy cũng thường tụng đọc mỗi khi đến hành thiền, đặc biệt là ở một nơi mới.

Kinh này thường được dịch đúng là “Kinh Lòng Từ” (*Metta sutta*). “*Metta*” có nghĩa là “lòng từ ái, thương yêu”. Tuy ở đây tên kinh không nói đến lòng Bi Mẫn (Karuna), nhưng vì ai đã có lòng từ ái thì tất nhiên cũng khởi sinh lòng Bi mẫn, lòng thương yêu và thương xót thường đi song hành. Vì vậy, nhiều bản dịch gọi là “Kinh Từ Bi”, thiết nghĩ cũng không bị lệch lạc và cũng rất thiết thực, vì chữ “Từ Bi” vốn rất quen thuộc và dễ nhớ đối với những Phật tử tại gia và những người mới bước vào đạo Phật.

Người khéo léo bản thiện,
và mong cầu an bình,
nên thể hiện (như vậy):

Có năng lực, hiền hòa,
Ngay thẳng, thật ngay thẳng,
Nhẹ nhàng và khiêm tốn,

Sống dễ dàng, tri túc,
các căn được chế ngự
Cẩn trọng, không trơ tráo
Không tham đắm gia đình
Không làm điều sai trái,
bậc hiền trí chê cười.

Người ấy nên thực hành,
giữ tâm niệm như sau:

Nguyện tất cả chúng sinh,
được hạnh phúc an bình,
Nguyện cho tâm chúng sinh,
được vui lòng như ý.

Chúng sinh dù yếu mạnh,
dài cao hoặc trung bình,
thấp, nhỏ hay to lớn,
có mặt hay khuất mặt,
dù ở gần ở xa,
chưa sinh và đã sinh

Không trừ chúng sinh nào,
Nguyện cho tâm tất cả,
được tràn đầy hạnh phúc!

Không lừa đảo lẫn nhau,
Thường bất khinh khấp chôn
Khi tâm đang oán giận,
không mong hay nguyên rủa,
cho ai khác bị hại,

Như là một người mẹ,
luôn che chở cho con,
bằng cả mạng sống mình.

Hãy phát tâm vô lượng,
cho lòng Từ vô biên,
bao trùm cả thế giới
trên, dưới và khắp nơi,
không cách trở hẹp hòi,
hết giận hờn thù ghét.

Khi đang đứng hay đi,
khi ngồi hay khi nằm,
bao giờ còn thức tỉnh,
giữ niệm “Từ Bi” này,
đây chính là tâm trạng:
Cao Đẹp nhất trong đời.

Không rơi vào tà kiến,
giữ đạo đức, trí tuệ,
từ bỏ các căn dục

Ai làm được như vậy:
không còn chui bào thai,
quay lại thế gian này.

(“Kinh Tập”, I.8, thuộc “Tiểu Bộ Kinh”)

(Bản dịch qua tiếng Việt của Lê Kim Kha)